**Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES**

l. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân (Đại diện hợp pháp của cơ sở nuôi, trồng)gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận một cửa cập trung cấp tỉnh.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ, cấp giấy chứng nhận:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ cơ quan cấp mã số thông báo bằng văn bản cho tố chức, cá nhân biết.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ họp lệ, Chi cục Kiểm lâm cấp ma số cơ sở nuôi trồng.

Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh thông báo cho cơ sở biết.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh tiến hành điều kiện nuôi, trồng; trường hợp phức tạp, việc kiểm tra thực hiện không quá 05 ngày làm việc.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi, trồng và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do.

Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung cấp tỉnh Bà Rịa-vũng Tàu

Công chức kiểm tra giấy hẹn trước khi trả kết quả.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 07 giờ 30 đến 12 giờ; Buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30 phút) trừ ngày lễ.

2. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 phụ lục Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. Bản chính phương án nuôi theo Mẫu số 06, phương án trồng theo Mâu số 07 phụ lục Nghị đinh số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết: 30 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức (cơ sở nuôi, trồng).

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp mã số cơ sở nuôi hoặc văn bản từ chối cấp mã số cơ sở nuôi.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Có.

- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mầu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

- Bản chính Phương án nuôi theo Mầu số 06, phương án trồng theo Mẫu số 07 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11. Căn cứ pháp lý: Điều 9 và Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rùng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.